Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh Tỉnh Hà Tĩnh
23.11.2021
14:54:47 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3454/QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP (đợt 7 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 28/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Văn bản số 6802/UBND-VX$_2$ ngày 13/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Mục III, Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 28/7/2021;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 468/TTr-SLĐTBXH ngày 12/11/2021; kết quả thẩm định danh sách và kinh phí hỗ trợ của Sở Tài chính tại Văn bản số 4629/STC-NSHX ngày 08/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ (đợt 7 năm 2021) như sau:

1. Tổng số đối tượng được hỗ trợ: 946, trong đó:

a) Nhóm 4: Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương: 529 người.

b) Nhóm 5: Hỗ trợ người lao động ngừng việc: 12 người.

c) Nhóm 7: Hỗ trợ trẻ em và người điều trị, cách ly y tế: 405 người.

2. Tổng kinh phí hỗ trợ: 2.503.629.000 đồng, bao gồm:

a) Ngân sách trung ương (hỗ trợ 60%): 1.502.177.400 đồng.

b) Ngân sách địa phương (hỗ trợ 40%): 1.001.451.600 đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh (70%): 701.016.120 đồng;

- Ngân sách cấp huyện (30%): 300.435.480 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 01, 02 kèm theo).

Điều 2. Giao trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài chính:

- Trích ngân sách dự phòng tỉnh năm 2021 số tiền 2.203.193.520 đồng (phần ngân sách trung ương hỗ trợ và ngân sách tỉnh đảm bảo) bổ sung cho các địa phương để thực hiện chi trả cho các đối tượng được phê duyệt tại Điều 1.

- Hoàn trả dự phòng ngân sách tỉnh sau khi trung ương hỗ trợ theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện Can Lộc, Cẩm Xuyên, Hương Khê, Nghi Xuân, Thạch Hà và thành phố Hà Tĩnh:

- Trích từ nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện năm 2021, số tiền: 300.435.480 đồng *(Ba trăm triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi đồng)* để thực hiện chi trả cho các đối tượng được phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, chi trả kinh phí kịp thời và thanh quyết toán theo quy định.

(Danh sách chi tiết các đối tượng được phê duyệt hỗ trợ theo Phụ lục số 03, 04, 05 kèm theo Văn bản số 468/TTr-SLĐTBXH ngày 12/11/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Can Lộc, Cẩm Xuyên, Hương Khê, Nghi Xuân, Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh; các cơ quan, đơn vị liên quan và các cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 2 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐ-TBXH; Bộ Tài chính; } (báo cáo)
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, VX_2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Trọng Hải

Phụ lục 01

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIỂU TỔNG HỢP
ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-CP VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTG

(Kèm theo Quyết định số: 3757/QĐ-UBND ngày 18 / 11/2021 của Ủy ban nhana dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Tổng số đối tượng	Trong đó			Kinh phí hỗ trợ	Trong đó			Chia ra			
			Người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động	Người lao động ngừng việc	Trẻ em và người đang điều trị, cách ly y tế		Người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động	Người lao động ngừng việc	Trẻ em và người đang điều trị, cách ly y tế	NS Trung ương và NS tỉnh			NSH
										Cộng	*Trong đó:*		
											NSTW	NST	
A	*B*	*1=2+3+4*	*2*	*3*	*4*	*5=6+7+8*	*6*	*7*	*8*	*9=10+11*	*10*	*11*	*12=5-9*
	TỔNG CỘNG	**946**	**529**	**12**	**405**	**2.503.629.000**	**1.990.865.000**	**24.000.000**	**488.764.000**	**2.203.193.520**	**1.502.177.400**	**701.016.120**	**300.435.48**
1	Huyện Cẩm Xuyên	6			6	6.550.000			6.550.000	5.764.000	3.930.000	1.834.000	786.000
2	TP Hà Tĩnh	671	527		144	2.183.318.000	1.984.155.000		199.163.000	1.921.319.840	1.309.990.800	611.329.040	261.998.16
3	Huyện Thạch Hà	161			161	166.185.000			166.185.000	146.242.800	99.711.000	46.531.800	19.942.20
4	Huyện Can Lộc	20			20	25.686.000			25.686.000	22.603.680	15.411.600	7.192.080	3.082.320
5	Huyện Nghi Xuân	45	2	12	31	59.550.000	6.710.000	24.000.000	28.840.000	52.404.000	35.730.000	16.674.000	7.146.000
6	Huyện Hương Khê	43			43	62.340.000			62.340.000	54.859.200	37.404.000	17.455.200	7.480.800

Phụ lục 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIỂU TỔNG HỢP
ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-CP VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTG

(Kèm theo Quyết định số: 3757/QĐ-UBND ngày 18 / 11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	Nhóm đối tượng	Kinh phí hỗ trợ	Chia ra				Ghi chú
			NS Trung ương và NS tỉnh			NSH	
			Cộng	*Trong đó:*			
				NSTW	NST		
A	*B*	*1*	*2=3+4*	*3*	*4*	*5=1-2*	*6*
	TỔNG CỘNG	**2.503.629.000**	**2.203.193.520**	**1.502.177.400**	**701.016.120**	**300.435.480**	
1	**Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động**	**1.990.865.000**	**1.751.961.200**	**1.194.519.000**	**557.442.200**	**238.903.800**	
-	Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày)	0	0	0	0	0	
-	Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng (30 ngày) trở lên	1.600.865.000	1.408.761.200	960.519.000	448.242.200	192.103.800	
-	Hỗ trợ thêm:						
+	Người lao động đang mang thai	52.000.000	45.760.000	31.200.000	14.560.000	6.240.000	
+	Người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 6 tuổi	338.000.000	297.440.000	202.800.000	94.640.000	40.560.000	
2	**Hỗ trợ người lao động ngừng việc**	**24.000.000**	**21.120.000**	**14.400.000**	**6.720.000**	**2.880.000**	
-	Người lao động ngừng việc	12.000.000	10.560.000	7.200.000	3.360.000	1.440.000	
-	Hỗ trợ thêm						
+	Người lao động đang mang thai		-	-	-	-	

STT	Nhóm đối tượng	Kinh phí hỗ trợ	Chia ra				Ghi chú
			NS Trung ương và NS tỉnh			NSH	
			Cộng	*Trong đó:*			
				NSTW	NST		
A	*B*	*1*	*2=3+4*	*3*	*4*	*5=1-2*	*6*
+	Người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 6 tuổi		-	-	-	-	
3	**Hỗ trợ trẻ em và người điều trị Covid-19, cách ly y tế**	**488.764.000**	**430.112.320**	**293.258.400**	**136.853.920**	**58.651.680**	
	Hỗ trợ tiền ăn cho F0, F1	384.764.000	338.592.320	230.858.400	107.733.920	46.171.680	
	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	104.000.000	91.520.000	62.400.000	29.120.000	12.480.000	
	TRONG ĐÓ:		-	-	-	-	
I	**HUYỆN CẨM XUYÊN**	**6.550.000**	**5.764.000**	**3.930.000**	**1.834.000**	**786.000**	
1	**Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
2	**Hỗ trợ người lao động ngừng việc**	**0**	-	-	-	-	
3	**Hỗ trợ trẻ em và người điều trị Covid-19, cách ly y tế**	**6.550.000**	**5.764.000**	**3.930.000**	**1.834.000**	**786.000**	
	Hỗ trợ tiền ăn cho F0, F1	4.550.000	4.004.000	2.730.000	1.274.000	546.000	
	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	2.000.000	1.760.000	1.200.000	560.000	240.000	
4	**Hỗ trợ hộ kinh doanh**		-	-	-	-	
II	**TP HÀ TĨNH**	**2.183.318.000**	**1.921.319.840**	**1.309.990.800**	**611.329.040**	**261.998.160**	
1	**Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động**	**1.984.155.000**	**1.746.056.400**	**1.190.493.000**	**555.563.400**	**238.098.600**	
-	Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày)		-	-	-	-	
-	Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng (30 ngày) trở lên	1.597.155.000	1.405.496.400	958.293.000	447.203.400	191.658.600	
-	Hỗ trợ thêm						
+	Người lao động đang mang thai	52.000.000	45.760.000	31.200.000	14.560.000	6.240.000	
+	Người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 6 tuổi	335.000.000	294.800.000	201.000.000	93.800.000	40.200.000	
2	**Hỗ trợ người lao động ngừng việc**	**0**	-	-	-	-	

STT	Nhóm đối tượng	Kinh phí hỗ trợ	Chia ra				Ghi chú
			NS Trung ương và NS tỉnh			NSH	
			Cộng	*Trong đó:*			
				NSTW	NST		
A	*B*	*1*	*2=3+4*	*3*	*4*	*5=1-2*	*6*
3	**Hỗ trợ trẻ em và người điều trị Covid-19, cách ly y tế**	**199.163.000**	**175.263.440**	**119.497.800**	**55.765.640**	**23.899.560**	
	Hỗ trợ tiền ăn cho F0, F1	185.163.000	162.943.440	111.097.800	51.845.640	22.219.560	
	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	14.000.000	12.320.000	8.400.000	3.920.000	1.680.000	
III	**HUYỆN THẠCH HÀ**	**166.185.000**	**146.242.800**	**99.711.000**	**46.531.800**	**19.942.200**	
1	**Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
2	**Hỗ trợ người lao động ngừng việc**	**0**	-	-	-	-	
3	**Hỗ trợ trẻ em và người điều trị Covid-19, cách ly y tế**	**166.185.000**	146.242.800	99.711.000	46.531.800	19.942.200	
	Hỗ trợ tiền ăn cho F0, F1	102.185.000	89.922.800	61.311.000	28.611.800	12.262.200	
	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	64.000.000	56.320.000	38.400.000	17.920.000	7.680.000	
V	**HUYỆN CAN LỘC**	**25.686.000**	**22.603.680**	**15.411.600**	**7.192.080**	**3.082.320**	
1	**Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
2	**Hỗ trợ người lao động ngừng việc**	**0**	-	-	-	-	
3	**Hỗ trợ trẻ em và người điều trị Covid-19, cách ly y tế**	**25.686.000**	22.603.680	15.411.600	7.192.080	3.082.320	
	Hỗ trợ tiền ăn cho F0, F1	15.686.000	13.803.680	9.411.600	4.392.080	1.882.320	
	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	10.000.000	8.800.000	6.000.000	2.800.000	1.200.000	
VI	**HUYỆN NGHI XUÂN**	**59.550.000**	**52.404.000**	**35.730.000**	**16.674.000**	**7.146.000**	
1	**Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động**	**6.710.000**	**5.904.800**	**4.026.000**	**1.878.800**	**805.200**	
-	Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày)		-	-	-	-	
-	Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng (30 ngày) trở lên	3.710.000	3.264.800	2.226.000	1.038.800	445.200	
-	Hỗ trợ thêm						
+	Người lao động đang mang thai		-	-	-	-	

STT	Nhóm đối tượng	Kinh phí hỗ trợ	Chia ra				Ghi chú
			NS Trung ương và NS tỉnh			NSH	
			Cộng	*Trong đó:*			
				NSTW	NST		
A	*B*	*1*	*2=3+4*	*3*	*4*	*5=1-2*	*6*
+	Người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 6 tuổi	3.000.000	2.640.000	1.800.000	840.000	360.000	
2	**Hỗ trợ người lao động ngừng việc**	**24.000.000**	21.120.000	14.400.000	6.720.000	2.880.000	
-	Người lao động ngừng việc	12.000.000	10.560.000	7.200.000	3.360.000	1.440.000	
-	Hỗ trợ thêm						
+	Người lao động đang mang thai		-	-	-	-	
+	Người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 6 tuổi	12.000.000	10.560.000	7.200.000	3.360.000	1.440.000	
3	**Hỗ trợ trẻ em và người điều trị Covid-19, cách ly y tế**	**28.840.000**	25.379.200	17.304.000	8.075.200	3.460.800	
	Hỗ trợ tiền ăn cho F0, F1	23.840.000	20.979.200	14.304.000	6.675.200	2.860.800	
	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	5.000.000	4.400.000	3.000.000	1.400.000	600.000	
VI	**HUYỆN HƯƠNG KHÊ**	**62.340.000**	**54.859.200**	**37.404.000**	**17.455.200**	**7.480.800**	
1	**Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
2	**Hỗ trợ người lao động ngừng việc**	**0**	-	-	-	-	
3	**Hỗ trợ trẻ em và người điều trị Covid-19, cách ly y tế**	**62.340.000**	54.859.200	37.404.000	17.455.200	7.480.800	
	Hỗ trợ tiền ăn cho F0, F1	53.340.000	46.939.200	32.004.000	14.935.200	6.400.800	
	Hỗ trợ thêm cho trẻ em	9.000.000	7.920.000	5.400.000	2.520.000	1.080.000	